

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 637/2025/DS-ST
Ngày: 09 – 5 – 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài .

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Lợi
- Ông Phạm Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1801/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2504/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 3205/2025/QĐST – DS ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Lầu 13, số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Lầu A, số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1196/2024/UQ – TT - XLN ngày 20/8/2024), (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Châu Thị Thùy T, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A hẻm F T, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Văn B đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại Đơn khởi kiện đề ngày

22/8/2024, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được có lời trình bày như sau:

Ngày 11/4/2023, bà Châu Thị Thùy T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S gửi Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng)

Ngày 14/4/2023, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số 436438-5367 (STK: 3892112198), loại thẻ Visa, hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng 2.48%, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 196.170.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 97.969.850 đồng. Sau đó, bà T đã không thực hiện thanh toán theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), ngày 06/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu:

Buộc bà Châu Thị Thùy Trâm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2025 là 172.570.754 (Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc: 104.806.889 đồng; Lãi quá hạn: 67.763.865 đồng.

Và bà Châu Thị Thùy T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Châu Thị Thùy T vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Theo những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Châu Thị Thùy Trâm trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2025 là 172.570.754 (Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc: 104.806.889 đồng; Lãi quá hạn: 67.763.865 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bà Châu Thị Thùy T, sinh năm: 1970; Địa chỉ: số A hẻm F T, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì bị đơn bà Châu Thị Thùy T có địa chỉ tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào kết quả xác minh tại Công an phường P, thành phố T cho biết bà Châu Thị Thùy T, sinh năm: 1970 hiện thực tế cư trú tại 1 hẻm F T, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Công dân chưa đăng ký thường trú, tạm trú tại phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, bà T cung cấp địa chỉ H hẻm F T, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại địa chỉ 1 hẻm F T, Khu phố E, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở Ủy ban nhân dân phường P và tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 08/11/2024, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án số 1801/2024/TB-TLVA ngày 11/10/2024 và giấy triệu tập đương sự ngày 05/11/2024, triệu tập bà Châu Thị Thùy T đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 02/12/2024 để trình bày lời khai và cung cấp tài liệu chứng cứ;

Lần 2: Vào ngày 31/12/2024, niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 10345/TB-TA ngày 24/12/2024 và giấy triệu tập đương sự ngày 24/12/2024, triệu tập bà Châu Thị Thùy T đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 17/01/2025 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Lần 3: Vào ngày 10/03/2025, niêm yết Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 1600/TB-TA ngày 05/3/2025 và giấy triệu tập đương sự ngày 05/3/2025, triệu tập bà Châu Thị Thùy T đến Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 26/3/2025 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải;

Lần 4: Vào ngày 27/3/2025, niêm yết thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/3/2025, giấy triệu tập đương sự ngày 27/3/2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2504/2025/QĐXXST – DS ngày 27/3/2025, yêu cầu bà Châu Thị Thùy T có mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, số A, Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 17/4/2025 để tham gia phiên tòa sơ thẩm;

Lần 5: Vào ngày 21/4/2025 tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa số 3205/2025/QĐST-DS ngày 17/4/2025, giấy triệu tập đương sự ngày 17/4/2025 yêu cầu bà Châu Thị Thùy T có mặt tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, số A, Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 09/5/2025 để tham gia phiên tòa sơ thẩm;

Về sự vắng mặt của các đương sự: Đại diện nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Châu Thị Thùy T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu: Buộc bà Châu Thị Thùy T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2025 là 172.570.754 (Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc: 104.806.889 đồng; Lãi quá hạn: 67.763.865 đồng.

Xét thấy, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/4/2023 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S) được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Châu Thị Thùy T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập thành văn bản có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm các bên phải thực hiện.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Châu Thị Thùy T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do, không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời không cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến giao dịch vay tiền giữa hai bên, coi như bị đơn đã từ bỏ quyền được pháp luật quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 11/4/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá

nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S của bà Châu Thị Thùy T gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, trong đó có nội dung: “Tôi/chúng tôi cam kết việc kích hoạt thẻ và PIN (nếu có) theo phương thức mà S1 áp dụng theo từng thời kỳ (bao gồm nhưng không giới hạn việc liên hệ các điểm giao dịch của S1, TT.DVKH của S1, gửi tin nhắn SMS từ số điện thoại tôi/chúng tôi đã đăng ký, kích hoạt thẻ qua kênh ngân hàng điện tử, qua ATM S1, qua các ứng dụng S1 hoặc các hình thức tương tự) sẽ được chính tôi/chúng tôi thực hiện và tôi/chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các giao dịch phát sinh theo việc kích hoạt thẻ này. Khi đó, S1 hiểu rằng tôi/chúng tôi đã nhận được thẻ S1 phát hành và S1 không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với thẻ kích hoạt”. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có cấp cho bà Châu Thị Thùy T thẻ tín dụng số 436438-5367 và bà Châu Thị Thùy T có sử dụng thẻ và thực hiện các giao dịch đối với thẻ tín dụng trên.

Tại bản tóm tắt sao kê số thẻ 436438-5367 của khách hàng Châu Thị Thùy T thể hiện: Tính đến ngày 09/5/2025, bà Châu Thị Thùy T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc là 104.806.889 đồng. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S buộc bà Châu Thị Thùy T trả số tiền nợ gốc 104.806.889 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu bà Châu Thị Thùy T trả số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 09/5/2025 với số tiền lãi quá hạn: 67.763.865 đồng là có cơ sở. Từ ngày 10/5/2025, tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh trên số tiền nợ quá hạn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/4/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho đến khi bà Châu Thị Thùy T trả hết nợ.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận nên bà Châu Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Q.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bà Châu Thị Thùy T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2025 là 172.570.754 (Một trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng); trong đó: Nợ gốc: 104.806.889 đồng; Lãi quá hạn: 67.763.865 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 14/4/2023 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Châu Thị Thùy T phải chịu án phí sơ thẩm là 8.628.538 đồng (Tám triệu, sáu trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi tám đồng).

H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí là 3.413.568 đồng (Ba triệu, bốn trăm mười ba nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0041870 ngày 10/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Hoài